
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|-----------------------------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban lãnh đạo | 2 – 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7 – 34 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i> | 7 – 10 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</i> | 11 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018</i> | 12 – 13 |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018</i> | 14 – 34 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà được thành lập theo Quyết định số 709/QĐ-BXD ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000173 ngày 20 tháng 05 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 09 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500450173 thay đổi lần 09 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 01 năm 2019 về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2018: 160.076.850.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: : Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84 - 4) 2211 29 18
Fax : (84 - 4) 3382 04 61
Mã số thuế : 0 5 0 0 4 5 0 1 7 3

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|----------|-------------------------------------|
| Ông Đinh Văn Nhân | Chủ tịch | |
| Ông Phạm Văn Đương | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Trần Văn Cần | Ủy viên | |
| Ông Bùi Hữu Hân | Ủy viên | |
| Ông Lê Quảng Đại | Ủy viên | |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Trịnh Thị Bảo Diệp | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Lê Toàn | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Phạm Thị Bình | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Quốc Vương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u> |
|--------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Lê Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Đinh Văn Nhân | Giám đốc | |
| Ông Trần Văn Cần | Phó Giám đốc | |
| Ông Bùi Hữu Hân | Phó Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Lê Toàn | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Phạm Văn Đương | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2018 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là năm thứ 3 liên tục Công ty bị lỗ, với số lỗ 11.204.271.246 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.363.376.217 VND, như vậy Cổ phiếu Công ty thuộc diện hủy niêm yết theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 14.733.214.228 VND. Đồng thời trong năm Công ty thực hiện chuyển nhượng hai dự án trong số các dự án nhà máy thủy điện quan trọng của Công ty, tổng tài sản tại 31/12/2018 giảm so với 01/01/2018 là 168.796.303.850 VND. Cụ thể:

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 65/SDD/NQ – HĐQT ngày 19/09/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 27-09-18/HĐCN ngày 27/09/2018 về việc chuyển nhượng dự án Thủy điện Mường Sang 3 cho Công ty TNHH Trường Phúc Lộc Tây Bắc với giá chuyển nhượng 13.000.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 8/10/2018 Công ty đã thu hồi được toàn bộ số tiền trên, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này hai bên vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên chủ đầu tư của Công trình thủy điện trên, tuy nhiên Công ty đã ghi giảm giá trị công trình và ghi nhận doanh thu, giá vốn từ việc chuyển nhượng dự án trên.

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08.11.2/SDD/NQ – HĐQT ngày 08/11/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 38/2018/HĐ ngày 16/11/2018 về việc chuyển nhượng Nhà máy Thủy điện Tát Ngỗng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất với giá chuyển nhượng 177.273.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 31/12/2018 Công ty đã thu hồi được 141.769.400.000 VND, đồng thời bù trừ với tiền vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La 35.304.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này hai bên vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên chủ đầu tư của Công trình thủy điện trên đồng thời chưa có thỏa thuận 3 bên với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La về việc chuyển công nợ tiền vay Ngân hàng từ Công ty sang Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất, tuy nhiên Công ty đã ghi giảm giá trị công trình và ghi nhận thu nhập, chi phí từ việc chuyển nhượng dự án trên, cũng như việc thực hiện ghi giảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La, đồng thời toàn bộ thu nhập và chi phí liên quan đến Nhà máy Thủy điện Tát ngoẵng từ thời điểm chuyển giao được chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất bằng việc các bên xuất hóa đơn cho nhau.

Các yếu tố này chỉ ra ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, Ngày 01 tháng 4 năm 2019

Thay mặt Ban lãnh đạo

Chủ tịch hội đồng quản trị



Đình Văn Nhân



Kết nối - Phát triển

Số : 30.03/2018/NVT2-BCTC
Ngày : 01 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà, được lập ngày 01 tháng 4 năm 2019 từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn “cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là năm thứ 3 liên tục Công ty bị lỗ, với số lỗ 11.204.271.246 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.363.376.217 VND, như vậy Cổ phiếu Công ty thuộc diện hủy niêm yết theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 14.733.214.228 VND. Đồng thời trong năm Công ty thực hiện chuyển nhượng hai dự án trong số các dự án nhà máy thủy điện quan trọng của Công ty, tổng tài sản tại 31/12/2018 giảm so với 01/01/2018 là 168.796.303.850 VND. Cụ thể:

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 65/SDD/NQ – HĐQT ngày 19/09/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 27-09-18/HĐCN ngày 27/09/2018 về việc chuyển nhượng dự án Thủy điện Mường Sang 3 cho Công ty TNHH Trường Phúc Lộc Tây Bắc với giá chuyển nhượng 13.000.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 8/10/2018 Công ty đã thu hồi được toàn bộ số tiền trên, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này hai bên vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên chủ đầu tư của Công trình thủy điện trên, tuy nhiên Công ty đã ghi giảm giá trị công trình và ghi nhận doanh thu, giá vốn từ việc chuyển nhượng dự án trên.

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08.11.2/SDD/NQ – HĐQT ngày 08/11/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 38/2018/HĐ ngày 16/11/2018 về việc chuyển nhượng Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoẵng cho

Trụ sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất với giá chuyển nhượng 177.273.800.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 31/12/2018 Công ty đã thu hồi được 141.769.400.000 VND, đồng thời bù trừ với tiền vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La 35.304.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này hai bên vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên chủ đầu tư của Công trình thủy điện trên đồng thời chưa có thỏa thuận 3 bên với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La về việc chuyển công nợ tiền vay Ngân hàng từ Công ty sang Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất, tuy nhiên Công ty đã ghi giảm giá trị công trình và ghi nhận thu nhập, chi phí từ việc chuyển nhượng dự án trên, cũng như việc thực hiện ghi giảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La, đồng thời toàn bộ thu nhập và chi phí liên quan đến Nhà máy Thủy điện Tát ngoãng từ thời điểm chuyển giao được chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất bằng việc các bên xuất hóa đơn cho nhau.

Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác minh được tính khả thi của việc chuyển nhượng các dự án nêu trên cũng như mức độ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Đồng thời các yếu tố nêu trên chỉ ra sự ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kiểm toán viên đã trao đổi với Ban Lãnh đạo Công ty về việc sử dụng giả định hoạt động liên tục là không phù hợp và yêu cầu Ban Lãnh đạo thực hiện đánh giá hoặc mở rộng đánh giá về khả năng hoạt động liên tục. Tuy nhiên Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán từ chối

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNKT số: 1603-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 23.691.436.610 | 52.643.891.808 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 3.174.743.983 | 584.211.101 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.174.743.983 | 584.211.101 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 2.161.200 | 2.161.200 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 2.161.200 | 2.161.200 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 15.460.815.745 | 37.753.294.608 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 14.607.150.939 | 16.577.274.593 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 945.938.978 | 3.093.305.935 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 248.530.151 | 18.509.141.328 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (340.804.323) | (426.427.248) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 5.053.715.682 | 13.496.870.533 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 5.053.715.682 | 13.496.870.533 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 807.354.366 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 807.354.366 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 245.353.146.661 | 385.196.995.313 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 804.812.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | 144.812.000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | - | 660.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 5.078.090.366 | 179.793.124.975 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 3.248.090.366 | 177.963.124.975 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 11.990.370.668 | 215.467.413.558 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (8.742.280.302) | (37.504.288.583) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 1.830.000.000 | 1.830.000.000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 1.930.000.000 | 1.930.000.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (100.000.000) | (100.000.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 239.620.010.840 | 204.593.160.611 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 239.620.010.840 | 204.593.160.611 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 655.045.455 | 500.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 655.045.455 | 500.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 5.397.727 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | 5.397.727 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 269.044.583.271 | 437.840.887.121 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 126.951.400.838 | 283.016.683.442 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 38.424.650.838 | 89.093.079.021 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11a | 19.910.479.487 | 22.586.271.323 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 2.672.583.664 | 5.028.151.357 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 404.903.518 | 1.775.683.697 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 260.095.165 | 1.360.986.754 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | - | 912.183.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 6.269.736.475 | 14.424.503.961 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a | 8.500.000.000 | 42.598.446.400 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 406.852.529 | 406.852.529 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 88.526.750.000 | 193.923.604.421 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.11b | - | 6.360.381.864 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 1.526.750.000 | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b | 87.000.000.000 | 187.563.222.557 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 142.093.182.433 | 154.824.203.679 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 142.093.182.433 | 154.824.203.679 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 160.076.850.000 | 160.076.850.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 48.603.459 | 48.603.459 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | 1.526.750.000 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (3.510.000) | (3.510.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.334.615.191 | 1.334.615.191 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (19.363.376.217) | (8.159.104.971) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (8.159.104.971) | (1.916.334.854) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (11.204.271.246) | (6.242.770.117) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 269.044.583.271 | 437.840.887.121 |

Người lập biểu



Đinh Thị Đào

Kế toán trưởng



Lê Quang Đại

Lập, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đinh Văn Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

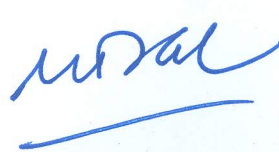
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 48.631.868.947 | 38.763.128.275 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 48.631.868.947 | 38.763.128.275 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 46.195.275.895 | 31.598.757.035 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2.436.593.052 | 7.164.371.240 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 20.740.134 | 12.220.282 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 17.909.967.891 | 8.447.722.551 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 17.909.967.891 | 8.447.722.551 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 2.719.866.087 | 3.109.598.570 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (18.172.500.792) | (4.380.729.599) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 10.380.691.108 | 438.469.829 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 3.412.461.562 | 2.118.614.661 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 6.968.229.546 | (1.680.144.832) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (11.204.271.246) | (6.060.874.431) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | - | 181.895.686 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.8 | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (11.204.271.246) | (6.242.770.117) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | (699,95) | (389,99) |

Người lập biểu



Đinh Thị Đào

Kế toán trưởng



Lê Quang Đại

Lập, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đinh Văn Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 42.751.286.669 | 44.436.498.436 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (40.366.042.005) | (17.561.941.544) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (4.616.253.500) | (5.747.574.150) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (18.822.150.891) | (9.202.133.551) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | - | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 8.613.992.883 | 15.674.972.796 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (21.362.138.183) | (8.656.714.437) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (33.801.305.027) | 18.943.107.550 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (34.281.007.321) | (60.635.934.506) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 158.140.300.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 673.591.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 11.890.214.187 | 596.767.294 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 135.749.506.866 | (59.365.576.212) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------|-------------------------|-----------|------------------------|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 61.969.209.000 | | 92.522.275.200 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (161.326.877.957) | | (53.780.046.603) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (99.357.668.957) | | 38.742.228.597 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 2.590.532.882 | | (1.680.240.065) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 584.211.101 | | 2.264.451.166 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 3.174.743.983 | | 584.211.101 |

Người lập biểu

Đinh Thị Đào

Kế toán trưởng

Lê Quảng Đại

Lập, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đinh Văn Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
 - Đầu tư, kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
 - Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình cấp thoát nước;
 - Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
 - Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
 - Khoan nổ mìn, khai thác vật liệu xây dựng;
 - Tư vấn giám sát trong các lĩnh vực: thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, cầu và đường bộ, điện đường dây và trạm, khảo sát địa chất thủy văn, trắc địa công trình;
 - Sửa chữa xe máy, thiết bị, gia công cơ khí;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**:
Số liệu BCTC năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty không còn số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ nên Công ty không đánh giá tỷ giá chênh lệch cuối kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|--------------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị | 06 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - TSCĐ hữu hình khác | 03 - 05 năm |
| - TSCĐ vô hình – thương hiệu Sông Đà | 05 năm |
| - TSCĐ vô hình – quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các thành viên góp vốn

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Ban lãnh đạo công ty phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Tiền mặt | 83.700.000 | 567.919.947 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.091.043.983 | 16.291.154 |
| Cộng | <u>3.174.743.983</u> | <u>584.211.101</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------------|-------------------------|
| <i>Cổ phiếu</i> | <i>2.161.200</i> | <i>2.161.200</i> |
| BID | 91.200 | 91.200 |
| PET | 2.070.000 | 2.070.000 |
| Cộng | <u>2.161.200</u> | <u>2.161.200</u> |

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Cổ phiếu nhỏ lẻ của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 | 500.000 | 500.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (*) | 654.545.455 | - |
| Cộng | <u>655.045.455</u> | <u>500.000</u> |

(*) Là giá trị phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển khu kinh tế Hải Hà số cổ phần 3750 Cổ phần, mệnh giá 160.000 VND/ cổ phần.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty Cổ phần phát triển điện Miền bắc 1 | 1.544.281.158 | - | 1.544.281.158 | - |
| Ban quản lý dự án Lưới điện (Công ty điện lực 1) | 1.833.087.846 | - | 3.129.700.292 | - |
| Điện lực Điện Biên | 1.635.262.239 | - | 516.502.197 | - |
| Công ty Điện lực Bắc Kạn | 5.257.862.795 | - | 2.429.606.364 | - |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Doanh thu bán điện) | 3.516.841.100 | - | 2.238.997.317 | - |
| Các khách hàng khác | 819.815.801 | 340.804.323 | 6.718.187.265 | 426.427.248 |
| Cộng | <u>14.607.150.939</u> | <u>340.804.323</u> | <u>16.577.274.593</u> | <u>426.427.248</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Thái Bình (*) | - | 1.300.000.000 |
| Công ty Cổ phần CT biển thể ĐL Hà Nội | - | 850.000.000 |
| Công ty TNHH Công nghiệp và kỹ thuật điện | 349.000.000 | - |
| Viện KHNL - Viện KH&CN Việt Nam | 311.000.000 | 311.000.000 |
| Công ty TNHH khai khoáng Việt nam | 243.938.978 | - |
| Nhà cung cấp khác | 42.000.000 | 632.305.935 |
| Cộng | <u>945.938.978</u> | <u>3.093.305.935</u> |

(*) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Thái Bình theo hợp đồng kinh tế số 39/HĐKT ngày 11 tháng 4 năm 2008 về việc tư vấn khảo sát thiết kế, lập Dự án đầu tư xây dựng công trình – Công trình thủy điện Thu Cúc. Công trình thủy điện Thu Cúc là công trình liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà và Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà chiếm 25% vốn điều lệ và chịu trách nhiệm ký hợp đồng thuê tư vấn khảo sát, lập Dự án đầu tư trình các cấp phê duyệt; các chi phí làm thủ tục pháp lý trong quá trình chuẩn bị đầu tư. hợp (Tham chiếu thuyết minh số V.15b)

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | <i>1.609.712.737</i> |
| Tạm ứng của ban lãnh đạo | - | 1.609.712.737 |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>248.530.151</i> | <i>16.899.428.591</i> |
| Tạm ứng | 75.963.571 | 830.803.053 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng và Xây lắp Sông Đà | - | 2.044.822.605 |
| Ký quỹ mở LC | - | 106.565.814 |
| Phải thu lãi vay cá nhân | - | 12.368.838.643 |
| Phải thu khác | 172.566.580 | 1.548.398.476 |
| Cộng | <u>248.530.151</u> | <u>18.509.141.328</u> |

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Phải thu Tổng công ty Sông Đà (*) | - | 660.000.000 |

(*) Là khoản tiền chuyển cho Tổng Công ty Sông Đà thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 426.427.248 | 359.211.111 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 67.216.137 |
| Hoàn nhập dự phòng | (85.622.925) | - |
| Số cuối năm | 340.804.323 | 426.427.248 |

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng |
| Xí nghiệp Sông Đà 7.05 | | | | | | |
| - Công ty CP SSD 705 | Trên 3 năm | 220.761.166 | 220.761.166 | Trên 3 năm | 220.761.166 | 220.761.166 |
| Điện lực Lai Châu | Trên 3 năm | 120.043.157 | 120.043.157 | Trên 3 năm | 138.449.945 | 138.449.945 |
| Điện lực Hải Dương | | - | - | | 67.216.137 | - |
| Cộng | | 340.804.323 | 340.804.323 | | 426.427.248 | 359.211.111 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.053.715.682 | - | 13.496.870.533 | - |
| Cộng | 5.053.715.682 | - | 13.496.870.533 | - |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 109.036.729.223 | 100.613.237.592 | 5.728.771.743 | 88.675.000 | 215.467.413.558 |
| Phân loại lại số đầu năm | 11.060.672.371 | (19.025.202.791) | 7.964.530.420 | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | (116.579.972.894) | (74.959.842.378) | (11.889.752.618) | (47.475.000) | (203.477.042.890) |
| Số cuối năm | 3.517.428.700 | 6.628.192.423 | 1.803.549.545 | 41.200.000 | 11.990.370.668 |

Trong đó:

| | | | | | |
|------------------------------------------|---|---|---|---|---|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | - | - |
|------------------------------------------|---|---|---|---|---|

Giá trị hao mòn

| | | | | | |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 11.819.756.517 | 20.692.181.088 | 4.931.855.898 | 60.495.080 | 37.504.288.583 |
| Phân loại lại số đầu năm | 1.106.067.237 | (1.902.520.279) | 796.453.042 | - | - |
| Khấu hao trong năm | 8.711.980.094 | 5.737.361.103 | 1.466.386.819 | 5.150.004 | 15.920.878.020 |
| Giảm do thanh lý, nhượng bán | (20.229.280.227) | (18.776.329.837) | (5.629.801.237) | (47.475.000) | (44.682.886.301) |
| Số cuối năm | 1.408.523.621 | 5.750.692.075 | 1.564.894.522 | 18.170.084 | 8.742.280.302 |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 97.216.972.706 | 79.921.056.504 | 796.915.845 | 28.179.920 | 177.963.124.975 |
| Số cuối năm | 2.108.905.079 | 877.500.348 | 238.655.023 | 23.029.916 | 3.248.090.366 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất (*) | Thương hiệu Sông Đà | Cộng |
|----------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 1.830.000.000 | 100.000.000 | 1.930.000.000 |
| Số cuối năm | 1.830.000.000 | 100.000.000 | 1.930.000.000 |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Số cuối năm | - | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 1.830.000.000 | - | 1.830.000.000 |
| Số cuối năm | 1.830.000.000 | - | 1.830.000.000 |

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Lô 60 + 61, khu phát triển Đô thị 4B xã Văn Khê, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 063532 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cấp ngày 17 tháng 7 năm 2006

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Tình hình biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Phân loại lại số đầu năm | Số cuối năm |
|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 1.623.097.700 | - | - | 1.623.097.700 |
| <i>Quyền sử dụng đất</i> | - | 1.623.097.700 | - | - | 1.623.097.700 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 204.593.160.611 | 44.709.618.537 | (256.080.000) | 1.545.204.943 | 237.996.913.140 |
| <i>Phần mở rộng của TĐ Tất Ngõang</i> | 7.621.151.303 | 9.286.719.763 | - | 311.051.000 | 17.218.922.066 |
| <i>Thủy điện Mường Sang 2 - Mộc Châu - Sơn la (*)</i> | 184.170.132.676 | 32.447.453.317 | (256.080.000) | 1.234.153.943 | 217.595.659.936 |
| <i>Thủy Điện Thu Cúc</i> | 482.123.045 | 2.700.208.093 | - | - | 3.182.331.138 |
| <i>TĐ Mường Sang 3 (**)</i> | 12.319.753.587 | 275.237.364 | (11.049.786.008) | (1.545.204.943) | - |
| Cộng | 204.593.160.611 | 44.709.618.537 | (11.561.946.008) | 1.545.204.943 | 239.620.010.840 |

(*) Tài sản hình thành sau đầu tư dự án đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La.

(**) Ngày 27 tháng 9 năm 2018 Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng dự án nhà máy thủy điện Mường Sang 3 cho Công ty Cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc theo hợp đồng chuyển nhượng số 27-09-18/HĐCN với giá trị chuyển nhượng là 13.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty đã thu đủ số tiền trên.

Công ty đã gửi văn bản đề nghị điều chỉnh chủ đầu tư dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La sang cho Công ty Cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc và đang tiếp tục các thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chuyển nhượng dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Kinh doanh Sông Đà | 4.833.413.093 | 6.372.697.873 |
| Công ty TNHH Tân An | 2.177.925.200 | - |
| Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà | 1.587.527.637 | 1.587.527.637 |
| Công ty TNHH LS VINA | 1.082.920.554 | 1.502.920.554 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống Nhất | 2.480.349.922 | - |
| Nhà cung cấp khác | 7.748.343.081 | 13.123.125.259 |
| Các nhà cung cấp khác | <u>19.910.479.487</u> | <u>22.586.271.323</u> |

b. Dài hạn

Là chi phí phải trả các công trình giữ lại chờ quyết toán.

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Tân An | - | 1.423.136.220 |
| Ông Nguyễn Học Phi | - | 213.101.500 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Kinh doanh Sông Đà | - | 4.724.144.144 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>6.360.381.864</u> |

12. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Điện lực Điện Biên | 2.672.583.664 | 5.028.151.357 |
| Cộng | <u>2.672.583.664</u> | <u>5.028.151.357</u> |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

| | <u>Số phải nộp đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số phải nộp cuối năm</u> |
|----------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 16.223.186.100 | (16.088.154.095) | 135.032.005 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 690.955.105 | (690.955.105) | - |
| Thuế tài nguyên | 1.775.683.697 | 2.162.785.488 | (3.748.210.592) | 190.258.593 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 1.079.974.960 | (1.000.362.040) | 79.612.920 |
| Thuế môn bài | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Cộng | <u>1.775.683.697</u> | <u>20.160.901.653</u> | <u>(21.531.681.832)</u> | <u>404.903.518</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả ngắn hạn khác****a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 219.812 | 219.812 |
| BHXH, BHYT, BHTN | 3.125.076.361 | 7.929.787.307 |
| Đặt cọc bảo lãnh thủy điện Mường Sang 2 | - | 2.642.378.033 |
| Ông Đinh Văn Hà | - | 841.616.809 |
| Ông Đinh Văn Vẻ | - | 1.027.252.702 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 3.144.440.302 | 1.983.249.298 |
| Cộng | <u>6.269.736.475</u> | <u>14.424.503.961</u> |

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà(*) | 1.526.750.000 | - |

(*) Là khoản tiền Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SODACO) chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (SONGDA IC) theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh về việc hợp tác Đầu tư dự án thủy điện Thu Cúc ký ngày 22 tháng 4 năm 2008. Thủy điện Thu Cúc được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 181023000171 ngày 05 tháng 5 năm 2009. Theo thỏa thuận hợp tác, SONGDA IC chiếm 25% vốn liên doanh và chịu trách nhiệm ký Hợp đồng thuê Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư trình cấp thẩm quyền phê duyệt và các chi phí làm thủ tục pháp lý trong quá trình chuẩn bị đầu tư. Khoản tiền này các năm trước đã hạch toán vào khoản mục vốn khác của chủ sở hữu, nay chuyển hạch toán cho phù hợp (Tham chiếu thuyết minh số V.17 và liên quan đến thuyết minh V.4)

16. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | - | - | 29.998.446.400 | 29.998.446.400 |
| - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây | | | - | 29.998.446.400 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 | 12.600.000.000 | 12.600.000.000 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Sơn La | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 | 7.200.000.000 | 7.200.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP An Bình | - | - | 5.400.000.000 | 5.400.000.000 |
| Cộng | <u>8.500.000.000</u> | <u>8.500.000.000</u> | <u>42.598.446.400</u> | <u>42.598.446.400</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------|------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 29.998.446.400 | 11.418.142.000 | - | (41.416.588.400) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 12.600.000.000 | - | 8.500.000.000 | (12.600.000.000) | 8.500.000.000 |
| Cộng | <u>42.598.446.400</u> | <u>11.418.142.000</u> | <u>8.500.000.000</u> | <u>(54.016.588.400)</u> | <u>8.500.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Khả năng trả nợ | Giá trị | Khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | 87.000.000.000 | 87.000.000.000 | 135.221.002.557 | 135.221.002.557 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Sơn La (*) | 87.000.000.000 | 87.000.000.000 | 127.804.000.000 | 127.804.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP An Bình | | - | 7.417.002.557 | 7.417.002.557 |
| Vay dài hạn cá nhân khác | | - | 52.342.220.000 | 52.342.220.000 |
| Cộng | 87.000.000.000 | 87.000.000.000 | 187.563.222.557 | 187.563.222.557 |

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng tín dụng đầu tư số 04/2010/HĐTĐĐT-NHPT ngày 15/12/2010; Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01/2014/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 30/06/2014; Thời hạn vay 96 tháng; Thời hạn ân hạn tối đa 39 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 57 tháng; Thời điểm bắt đầu trả gốc vay: tháng 9/2014; Lãi suất vay 9,6%/năm; Tổng hạn mức vay: 47.988.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Tắt Ngoãng - Sơn La. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2011/HĐTĐĐT-NHPT ngày 28/01/2011; Thời hạn vay 96 tháng; Thời gian ân hạn tối đa 24 tháng; Thời hạn trả nợ gốc vay 72 tháng; Lãi suất vay 9,6%/năm. Tổng hạn mức vay: 39.700.000.000 đồng; Mục đích vay: Đầu tư XD và mua sắm thiết bị cho dự án Nhà máy Thủy điện Mường Sang 2 - Sơn La; Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư của dự án



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Giảm khác (*) | Số cuối năm |
|-------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 135.221.002.557 | - | (4.417.002.557) | (8.500.000.000) | (35.304.000.000) | 87.000.000.000 |
| Vay dài hạn các cá nhân | 52.342.220.000 | 50.551.067.000 | (102.893.287.000) | - | - | - |
| Cộng | 187.563.222.557 | 50.551.067.000 | (107.310.289.557) | (8.500.000.000) | (35.304.000.000) | 87.000.000.000 |

(*) Bù trừ công nợ phải thu công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất khi thanh lý TSCĐ, Số nợ này đang chờ thay đổi nghĩa vụ nợ với Ngân hàng.

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 160.076.850.000 | 48.603.459 | 1.526.750.000 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (1.916.334.854) | 161.066.973.796 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | - | (6.242.770.117) | (6.242.770.117) |
| Số dư cuối năm trước | 160.076.850.000 | 48.603.459 | 1.526.750.000 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (8.159.104.971) | 154.824.203.679 |
| Số dư đầu năm nay | 160.076.850.000 | 48.603.459 | 1.526.750.000 | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (8.159.104.971) | 154.824.203.679 |
| Giảm khác trong năm (*) | - | - | (1.526.750.000) | - | - | - | (1.526.750.000) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | (11.204.271.246) | (11.204.271.246) |
| Số dư cuối năm nay | 160.076.850.000 | 48.603.459 | - | (3.510.000) | 1.334.615.191 | (19.363.376.217) | 142.093.182.433 |

(*) Xem thuyết minh V.15b

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.007.685 | 16.007.685 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 16.007.685 | 16.007.685 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.007.685 | 16.007.685 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 351 | 351 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 351 | 351 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.007.334 | 16.007.334 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 16.007.334 | 16.007.334 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 24.408.804.898 | 20.121.454.045 |
| Doanh thu bán điện | 24.223.064.049 | 18.641.674.230 |
| Cộng | 48.631.868.947 | 38.763.128.275 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn hợp đồng xây dựng | 37.734.852.790 | 17.567.002.681 |
| Giá vốn bán điện | 8.460.423.105 | 14.031.754.354 |
| Cộng | 46.195.275.895 | 31.598.757.035 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi, tiền cho vay

4. Chi phí hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 17.909.967.891 | 8.447.722.551 |
| Cộng | 17.909.967.891 | 8.447.722.551 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.665.574.323 | 2.041.206.072 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 163.940.446 | 121.575.275 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 76.574.817 | 97.008.909 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 254.981.288 | 259.014.144 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dự phòng | (60.097.638) | 67.216.137 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 304.638.610 | 198.181.980 |
| Các chi phí khác | 310.254.241 | 322.396.053 |
| Cộng | <u>2.719.866.087</u> | <u>3.109.598.570</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Thu từ cho thuê văn phòng, thiết bị | - | 226.400.000 |
| Thanh lý vật tư | - | 194.144.545 |
| Lãi thanh lý TSCĐ | 6.423.511.948 | 10.000.000 |
| Thu nhập khác | 9.463.880 | 7.925.284 |
| Bồi thường bảo hiểm | 141.525.000 | - |
| Phí kiểm định | 150.560.680 | - |
| Xử lý công nợ | 3.655.629.600 | - |
| Cộng | <u>10.380.691.108</u> | <u>438.469.829</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm | 690.260.357 | 808.610.982 |
| Phạt chậm nộp thuế | 485.192.170 | 1.308.250.774 |
| Chi phí khác | 78.700.000 | 1.752.905 |
| Xử lý công nợ | 1.199.368.517 | - |
| Thuế tài nguyên | 269.871.213 | - |
| thuế TNCN | 689.069.305 | - |
| Cộng | <u>3.412.461.562</u> | <u>2.118.614.661</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2018 được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (11.204.271.246) | (6.060.874.431) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 404.158.614 | 2.118.614.661 |
| <i>Lãi nộp chậm BHXH</i> | <i>404.158.614</i> | <i>2.118.614.661</i> |
| <i>Phạt thuế</i> | <i>485.192.170</i> | <i>808.610.982</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| Thu nhập chịu thuế | <u>(10.800.112.632)</u> | <u>(3.942.259.770)</u> |
| Lỗi các năm trước được chuyển | | |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i> | <i>-</i> | <i>181.895.686</i> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>-</u> | <u>181.895.686</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty | (11.204.271.246) | (6.242.770.117) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty | (11.204.271.246) | (6.242.770.117) |
| Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm | 16.007.334 | 16.007.334 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>(699,95)</u> | <u>(389,99)</u> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 16.007.334 | 16.007.334 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>16.007.334</u> | <u>16.007.334</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.825.853.568 | 1.472.301.204 |
| Chi phí nhân công | 6.437.329.199 | 7.201.871.659 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 15.926.275.747 | 10.662.065.256 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.000.000 | 1.408.032.265 |
| Chi phí dự phòng | (60.097.638) | 67.216.137 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.799.260.773 | 13.976.726.254 |
| Chi phí khác | 1.749.211.918 | 705.801.035 |
| Cộng | <u>37.681.833.567</u> | <u>35.494.013.810</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như-sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Bù trừ hoàn thuế GTGT và thuế GTGT phải nộp | - | 1.137.485.442 |
| Bù trừ hoàn thuế GTGT và thuế TNDN | - | 433.690.503 |
| Bù trừ hoàn thuế GTGT và thuế TNCN | - | 19.028.960 |
| Bù trừ hoàn thuế GTGT và phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 652.754.965 |
| Bù trừ công nợ phải thu và công nợ phải trả | - | 603.373.051 |
| Bù trừ công nợ phải thu và công nợ phải trả | 8.882.707.224 | - |
| Chuyển hạch toán giảm vốn chủ sở hữu sang phải trả khoản hợp tác đầu tư | 1.526.750.000 | - |
| Xóa nợ phải thu về cho vay | 143.775.229 | - |
| Xóa nợ lãi phải thu về cho vay | 499.364.590 | - |
| Bù trừ tiền vay phải trả và phải thu về thanh lý TSCĐ | 35.304.000.000 | - |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|----------------|------------------|
| Tạm ứng tiền mua hàng | - | 174.009.771 |
| Hoàn trả tiền tạm ứng | 1.609.712.737 | 370.696.943 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.5a.

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí lãi vay vốn hóa cho các khoản vay riêng biệt | 6.983.315.759 | 8.775.260.686 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Cộng | 6.983.315.759 | 8.775.260.686 |

3. Quản lý rủi ro tài chính**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay và nợ | 8.500.000.000 | 87.000.000.000 | 95.500.000.000 |
| Phải trả người bán | 19.910.479.487 | - | 19.910.479.487 |
| Các khoản phải trả khác | 6.529.831.640 | 1.526.750.000 | 8.056.581.640 |
| Cộng | 34.940.311.127 | 88.526.750.000 | 123.467.061.127 |
| Số đầu năm | | | |
| Vay và nợ | 42.598.446.400 | 187.563.222.557 | 230.161.668.957 |
| Phải trả người bán | 22.586.271.323 | 6.360.381.864 | 28.946.653.187 |
| Các khoản phải trả khác | 16.697.673.715 | - | 16.697.673.715 |
| Cộng | 81.882.391.438 | 193.923.604.421 | 275.805.995.859 |

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.174.743.983 | 584.211.101 | 3.174.743.983 | 584.211.101 |
| Chứng khoán kinh doanh | 2.161.200 | 2.161.200 | 2.161.200 | 2.161.200 |
| Phải thu khách hàng | 14.266.346.616 | 16.150.847.345 | 14.266.346.616 | 16.150.847.345 |
| Các khoản cho vay | - | 144.812.000 | - | 144.812.000 |
| Các khoản phải thu khác | 248.530.151 | 19.169.141.328 | 248.530.151 | 19.169.141.328 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 655.045.455 | 500.000 | 655.045.455 | 500.000 |
| Cộng | 18.346.827.405 | 36.051.672.974 | 18.346.827.405 | 36.051.672.974 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 95.500.000.000 | 230.161.668.957 | 95.500.000.000 | 230.161.668.957 |
| Phải trả người bán | 19.910.479.487 | 28.946.653.187 | 19.910.479.487 | 28.946.653.187 |
| Các khoản phải trả khác | 8.056.581.640 | 16.697.673.715 | 8.056.581.640 | 16.697.673.715 |
| Cộng | 123.467.061.127 | 275.805.995.859 | 123.467.061.127 | 275.805.995.859 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP SÔNG ĐÀ

Lô 60 + 61, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là năm thứ 3 liên tục Công ty bị lỗ, với số lỗ 11.204.271.246 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.363.376.217 VND, như vậy Cổ phiếu Công ty thuộc diện hủy niêm yết theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 14.733.214.228 VND. Đồng thời trong năm Công ty thực hiện chuyển nhượng hai dự án trong số các dự án nhà máy thủy điện quan trọng của Công ty, tổng tài sản tại 31/12/2018 giảm so với 01/01/2018 là 168.796.303.850 VND. Cụ thể:

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 65/SDD/NQ – HĐQT ngày 19/09/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 27-09-18/HĐCN ngày 27/09/2018 về việc chuyển nhượng dự án Thủy điện Mường Sang 3 cho Công ty TNHH Trường Phúc Lộc Tây Bắc với giá chuyển nhượng 13.000.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 8/10/2018 Công ty đã thu hồi được toàn bộ số tiền trên, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này hai bên vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên chủ đầu tư của Công trình thủy điện trên, tuy nhiên Công ty đã ghi giảm giá trị công trình và ghi nhận doanh thu, giá vốn từ việc chuyển nhượng dự án trên.

Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08.11.2/SDD/NQ – HĐQT ngày 08/11/2018 và hợp đồng chuyển nhượng số 38/2018/HĐ ngày 16/11/2018 về việc chuyển nhượng Nhà máy Thủy điện Tát Ngoãng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất với giá chuyển nhượng 177.273.800.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), đến ngày 31/12/2018 Công ty đã thu hồi được 141.769.400.000 VND, đồng thời bù trừ với tiền vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La 35.304.000.000 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này hai bên vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên chủ đầu tư của Công trình thủy điện trên đồng thời chưa có thỏa thuận 3 bên với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La về việc chuyển công nợ tiền vay Ngân hàng từ Công ty sang Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất, tuy nhiên Công ty đã ghi giảm giá trị công trình và ghi nhận thu nhập, chi phí từ việc chuyển nhượng dự án trên, cũng như việc thực hiện ghi giảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La, đồng thời toàn bộ thu nhập và chi phí liên quan đến Nhà máy Thủy điện Tát ngoãng từ thời điểm chuyển giao được chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống nhất bằng việc các bên xuất hóa đơn cho nhau.

Các yếu tố này chỉ ra ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Lập ngày 01 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đinh Thị Đào

Lê Quảng Đại

Đinh Văn Nhân